

- Ngày nào đó, Chu tiên sinh có ngờ y thăm kín : “gần lửa rất mặt”. Với tôi, làm quan ở đây đã lâu , tôi biết rất mặt mà không sao dập tắt được lửa. May cho tôi là, biết cương nhu để mà lui tới, bản thân răn mình “gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”, như bài ca dao cổ xưa thường ca ngợi đóa hoa sen quân tử !

Chu Văn An thực lòng :

- Làm chức Tư nghiệp, tôi luôn nghĩ đến kỷ niệm trường Huỳnh Cung, với bao học sinh con nhà nghèo nhưng hiếu học, trong trắng.

Trần Nguyên Đán như muốn để Chu Văn An hiểu sâu hơn Dụ Tông:

- Môn sinh hiện tại của Chu tiên sinh thì chẳng còn biết nói sao. Có bao mỹ nữ cung tần chưa đủ. Háo sắc đến không còn biết luân thường, phải trái.

- Tôi cũng nghe nói, sau buổi dạy học của tôi, ngài không thềm xem lại bài vở. Thế mới biết, ở đời, khi đầu óc chứa đủ các thứ xấu xa thì lời thánh hiền chỉ như nước đổ đầu vịt, còn mong đọng lại được chút gì.

Trần Nguyên Đán như cũng triết lý :

- Một khi con người có “máu” háo sắc, mà quyền lực càng cao, thì máu háo sắc càng ghê tởm

kinh người ! Vậy mà khi mang bệnh liệt dương lại nghe nịnh thần, giết con trai trẻ lấy mặt hòa với vị thuốc bắc dương khởi thạch mà uống. Thật không còn điều gì để nói nữa. Tôi thì đã đành, chỉ ân hận đã tiến dẫn tiên sinh vào đây, thật là không phải với tiên sinh.

Chu Văn An nghĩ, trong đời dạy học, chắt chiu bao ngọc quý, tưng vào đây, ngọc có giá thêm, bèn chép miệng với Trần Nguyên Đán:

- Quan Tư đồ chớ nói vậy. Từ khi vào triều đến nay, tấm lòng quan Tư đồ thế nào không lẽ tôi còn không hiểu sao. Việc đời, cứ để "Cái quan định luận", đời sau phán xét công minh thôi. Vả lại, luật nhân quả và gieo gió gặt bão, tất cả nghiêm ngặt như định mệnh không loại trừ ai cả !

VII- NỖI KHỔ CÒN GÁNH CHỊU CỦA NHÀ GIÁO CHU VĂN AN Ở TRIỀU ĐÌNH

*e*ó lẽ, trong cuộc đời người dạy học, niềm vui lớn lao và không gì so sánh được, là đối tượng dạy ngày một hiểu biết. Đối tượng ấy càng có vị trí quan trọng thì sự hiểu biết của họ càng có ích. Bởi vậy, người thầy càng chắt chiu được những gì tinh và chắc nhất trong kiến thức sách vở và vốn sống cuộc đời của mình vào bài giảng. Hiệu quả phát huy ở người học trò có quyền cao chức trọng ấy, thật vô giá động viên thầy giáo dạy với tất cả tâm huyết của mình.

Trong bốn chục năm dạy học, không nhớ bao học sinh do Chu Văn An giảng dạy đã thành người. Ngoài Lê Sát, còn có những người như Phạm Sư Mạnh, Lê Quát v.v... Theo sử sách ghi lại, thắm lời vàng ngọc thầy Chu, học trò “dù đã làm tới chức Hành khiển, họ vẫn giữ lễ độ phận học trò. Khi tới thăm thầy, vẫn bái lạy, được thầy nói một lời, lấy làm vui. Thậm chí thất ý, bị thầy quở trách, thầy còn gắt gỏng, không tiếp mà đuổi ra !”

Gương những trò này, trước mắt động viên thầy Chu xả thân cho nghề cao quý “trông người”. Đạo đức cao cả của thầy Chu, được các vị công khanh đương thời và đời sau nhiệt tâm hâm mộ.

Tuy vậy, ở triều đình và Quốc tử giám, với chức Tư nghiệp, Chu Văn An không đam mê. Nhưng, giữ chức “nhàn quan ấy”, ông lại có niềm vui lớn, là học trò đông, thay đổi nhiều năm. Ông tìm thấy ở họ lòng ham say thực sự, học chăm và luôn tỏ ra lễ độ với thầy. Sợi dây ràng buộc giữa thầy dạy và học trò, luôn bền chặt ý nghĩa đẹp quý truyền thống “Tiên học Lễ, hậu học Văn”. Ở họ, bao nhiêu người thành đạt, là bấy nhiêu người, từ những năm học trò, biết giữ đạo Hiếu với cha mẹ, chữ Lễ kính thầy, biết ơn thầy. Những người ấy, gốc họ vững, thì họ cũng là người đặc dụng, đáng kính. Thầy phấn khởi như thấy quả ngọt hoa thơm do thầy chăm bón.

Tiếc thay, khi triều đại nhà Trần đã đi vào suy vong, thì dù dạy vua, dạy Thái tử, dù hết lòng hết sức mấy, như dạy Hiến Tông, Dụ Tông, sức kéo co của hai cánh tay thầy giáo không lôi nổi học trò về phía mình để luôn trọng đạo lý. Ngược lại, mãnh lực gian thần đã làm ô trọc góm ghê tâm hồn đạo đức những học trò “con trời” của quan Tư nghiệp họ Chu. Họ bảo ông “nhàn quan” nhưng tâm ông nhưc nhối ngày đêm, họ đâu có biết? Dù Dụ Tông lên ngôi, dù Minh Tông cũng muốn kèm cặp “vua mới”, song ý muốn ở Minh Tông gần như bất cập, lực bất tòng tâm. Hơn nữa, bản thân “vua mới”, khi quyền bính trong tay, cũng có dù ít, dù nhiều, cái độc lập

của người cầm quyền và xu hướng rũ ra khỏi áp lực của Minh Tông.

Đã thế, Minh Tông đã già, đặc biệt nội bộ triều đình, vốn có vết rạn từ lâu, nay rạn nứt càng to, phe này, phe khác, mạnh ai nấy bành trướng. Phe Trâu Canh hoành hành, coi thường khuôn phép triều đình. Bên ngoài, nhân dân đói khổ, khắp nơi nông dân nổi dậy chống chính quyền địa phương vơ vét để vinh thân phì gia, hơn là làm “cha mẹ dân” và quan tâm “chăn dân” như thời triều đình thịnh trị. Nổi lên cuộc khởi nghĩa Ngô Bệ, được sự ủng hộ rộng rãi của nông dân phía đông bắc Kinh đô.

Ngay đời vua Hiến Tông, bên cạnh trách nhiệm dạy vua, Chu Văn An đã được Minh Tông hỏi về việc chính sự. Minh Tông trọng Chu Văn An, Chu Văn An cũng tất phải lấy nghĩa trả ơn. Mà trả ơn rõ nhất, là Chu Văn An nhủ lòng mình, đem hết tâm lực dạy Hiến Tông Trần Vương.

Tuy vậy, ông vẫn lưu ý tình hình chính sự, đôi khi thành thực nêu những điều ông lo nghĩ với Minh Tông và khôn khéo góp ý với Hiến Tông. Đặc biệt, giữa ông và quan Tư đồ thường hay kín đáo trao đổi như để vơi vơi nỗi lòng, mặc dù cả hai người đều cảm thấy đó chỉ là việc lấy chỉ mà kéo xe trâu !

Đến đời Trần Dụ Tông, việc học của vua kế nghiệp này thường trễ nải, dù Chu Văn An, mỗi buổi dạy, vẫn tỏ ra nghiêm khắc, gạn những điều hay lẽ phải trong Kinh sử. Ông như người chất chiu ngọc quý đặt nơi tay Dụ Tông, nhưng không biết bao lần nhà vua buông ngọc tuột khỏi tầm tay.

Trần Nguyên Đán, đã có lần bảo Chu Văn An:

- Hương thơm của hoa quý, tiếc thay tiên sinh tâm huyết và thiện chí, lại đem cho người ngạt mũi ngửi !

Chu Văn An không khỏi buồn phiền :

- Làm sao được, tôi là người dạy học có lương tâm? Ở đây, chỉ có tiên sinh hiểu và động viên, tôi đa tạ quan Tư đồ.

Nói vậy thôi, những năm Dụ Tông trị vì, Chu Văn An cũng ngấm theo dõi, từ phương diện đạo đức đến tài năng, có sự đánh giá toàn diện hơn các quan cao cấp trong triều đình; phân biệt thật rõ, kẻ chính, người tà, loại trung loại nịnh. Ông càng thăm thía, đức hạnh của nhà vua thế nào, thì đức hạnh những nhân vật trong mạng lưới “cận thân”, cũng phải tương ứng như vậy.

Trở lên, từ đời Anh Tông (1293-1314), Minh Tông (1311- 1329), tuy hai vua này, chưa liệt vào

hạng hai vua sau, bê tha sa đọa, nhất là Dụ Tông. Nhưng, hai vua bề trên, đã bộc lộ những thị hiếu tầm thường. Ngay từ đời hai vua bề trên, trong triều, nảy sinh không ít những cận thần hèn kém, chuyên nghĩ cách làm thỏa thị hiếu vua, còn những người thẳng thắn can ngăn, thì bị cách chức. Đan cử Anh Tông cách chức Phạm Mai, Minh Tông cách chức Nguyễn Trung Ngạn v.v...

Và như ở trên đã nói, Dụ Tông, mất hết tình người, giết con trai trẻ, lấy mật hòa với vị thuốc bắc để chữa liệt dương, sau rồi, còn thông dâm với chị ruột còn con gái.

Hết đâu, hàng ngày, vua này tổ chức rượu chè ca hát. Có lần, quan Tư đồ nói nhỏ với Chu Văn An:

- Học trò tiên sinh có lần đi chơi đến canh ba mới về. Lại có lần, cũng đi chơi khuya, bị mất cả “ấn báu, gương quý” !

Chu Văn An chép miệng buồn phiền :

- Người dạy học, nổi khổ khó đo lường, là tâm huyết, công sức đổ ra, lại hơn cả nước đổ lá khoai !

Trần Nguyên Đán cũng cung cấp thêm thông tin cho “thầy giáo” :

- Mùa hạ, tháng tư năm nọ, nhà vua còn gọi quan Chính trưởng phụng ngự ở cung Vĩnh An, vào cung cùng uống rượu. Quan Chính trưởng Bùi

Khoan giở trò lừa bịp và để tỏ cho vua biết tài nghệ, uống một trăm thăng rượu, vua tấm tắc khen thưởng tiền và thăng chức...

Chu Văn An, không nói ra với quan Tư đồ, nhưng trong lòng buồn phiền khôn tả : là tối thượng quốc gia say sưa như thế, còn đâu tỉnh táo lo toan đại sự quốc gia ?

Như hiểu ý, Trần Nguyên Đán nói :

- Đời xưa, những khi triều chính suy sụp, ắt không tránh khỏi "hôn quân", mà hôn quân càng tối tăm, thì càng lăm lăm gian thần lộng hành !

Dù không nói trắng ra, nhưng cả Chu Văn An và Trần Nguyên Đán không khỏi liên hệ đến một kết cục xấu cho triều Trần. Vì, nơi triều đình thảm hại như thế, làm sao níu kéo cỗ xe không trượt dốc nhanh ?

Đã thế, dân chúng chịu trăm điều khổ cực, như ech kêu dưới bụi tre ngâm ! Dù Tông còn tàn ác hơn : không chiếu bắt gia nô của các vương hầu, công chúa, phải thích chữ vào trán để chỉ rõ chức phận. Kẻ nào không thích chữ vào trán, không được ghi tên vào sổ, tức coi là giặc cướp ! Những người chống lại triều đình như Ngô Bệ, vùng dậy cùng nông dân, dù về sau có quy phục, nhưng Dù Tông vẫn buột tội xử chém.

Đêm ấy, trống đã sang canh ba, nhưng ngọn bạch lạp nơi làm việc của Chu Văn An vẫn sáng, dù từ tối, ông thay hai lần bạch lạp. Chống tay lên trán và tư lự, chốc chốc nhìn bóng mình in hình trên tấm màn nhung. Cái bóng ấy, qua ánh bạch lạp, được phóng to, ông vừa buồn vừa vui.

Buồn, vì hình ảnh rất “đời” về thể xác ông, vẫn như dạo nào ở trường Huỳnh Cung. Dù bao nhiêu năm ăn lộc vua, có cao lương mỹ vị hơn nhiều ở nơi quê nhà, nhưng “tạ” ông vẫn vậy chẳng nặng được thêm bao nhiêu trọng lượng ? Nhưng, với người dạy học có tâm huyết như ông, nặng thêm ký trọng lượng phụ thuộc vào yếu tố tinh thần. Thật thế, ngay bây giờ, có thầy giáo nào ăn ngon khi giáo án đem giảng, mà chỉ thấy học sinh vểnh tai lơ đãng nghe ? Ấy là không kể, còn không ít trò “bụi đời”, quậy phá, lấy quậy phá để làm trò cười cho bạn, để thỏa mãn bản năng rẻ tiền của chúng.

Vui, những năm là Tư nghiệp Quốc Tử giám, không thiếu những trò học chăm chỉ và lễ độ. Đây là những hạt giống mà ông tâm huyết tôi luyện cho chúng trưởng thành và đem lại nguồn vui cho đời ông ở Quốc Tử giám. Bóng ông vẫn in to trên màn nhung !

Và đêm ấy, tia mắt ông cũng ánh được niềm vui, nhưng như ngôi sao đổi ngôi, vụt tắt ngay, ông

cảm giác những trang sách đang đọc, khô đét lại, gần như vô nghĩa.

Từ ít ngày nay, quan Tư đồ Trần Nguyên Đán, kín đáo để ý thấy Chu Văn An kém vui. Bởi vậy, một hôm, dù đêm khuya, ông cũng lại thăm Chu Văn An. Thầy giáo Chu hỏi :

- Giờ này, quan Tư đồ chưa đi nghỉ ?

Quan Tư đồ, nhìn thẳng vào mắt thầy Chu, gặng hỏi :

- Thế còn Chu tiên sinh, sang canh ba rồi, vẫn lặng lẽ ngồi ?

Chu Văn An tâm sự :

- Tôi được đặt vị trí dạy Hoàng thượng, mới đầy mà cũng đã qua mấy đời. . .

- Tiên sinh, tôi hiểu được tâm sự ngài...

Hơi ngẩng đầu, Chu Văn An nhìn Trần Nguyên Đán:

- Tôi đang chờ ý kiến quan Tư đồ.

- Ở đây, người tài tâm huyết như tiên sinh chẳng khác gì lá mùa thu ! Bọn nho giả, gọi là trí thức, rường cột quốc gia, nhưng kẻ thì chí về công danh, kẻ chỉ cốt ăn lộc giữ mình. Rất hiếm, có được bề tôi trung như Tô Hiến Thành đời Lý không vì tiền bạc, chức tước mà đổi ý. Tôi trung thường biết

chọn vua hiền để thờ. Có được minh quân, có bề tôi xả thân phục vụ nhà vua, dân lành được hưởng hạnh phúc và nhớ ơn.

Chu Văn An tư lự :

- Tôi chỉ vốn ưa dạy học, làm Tư nghiệp ở Quốc Tử giám. Ở trường Huỳnh Cung được vào đây, tôi như người nhà quê được bỏ ruộng chiêm trũng, ra trồng trọt nơi đất phù sa phì nhiêu. Chỉ tiếc, ngô giống tốt, nhưng sâu phục lòng đất, ăn gần sạch lá, người gieo trồng tiếc ngẩn người vì đã dày công chăm bón mà chẳng thu hoạch được gì !

Ngoài hiên, có bóng người lướt lờ. Trần Nguyên Đán cáo lui, khi thấy bóng họ đi xa, Chu Văn An trân trọng tiễn ra cửa. Ông còn tiếc rẻ chưa trò chuyện hết với quan Tư đồ mà ông tin cậy và ý hợp tâm đầu.

Lúc ông quay lại, toan vào nhà và đóng cửa, thì hai người đàn ông đã đến gần, dù họ nhẹ bước hài hia. Một người cất tiếng :

- Quan Tư nghiệp đêm nay còn thức khuya ?

Chu Văn An :

- Mới sang canh ba, có gì khuya với người thầy giáo cần đọc sách cho bài giảng ngày mai. Tôi tưởng...

Người thứ hai vội cướp lời :

- Quan Tư nghiệp tưởng gì, xin được nói rõ ?

Chu Văn An khẳng khái :

- Tôi trộm nghĩ, câu sách xưa : “*Thiên hạ vô đạo, dĩ thân tuấn đạo*”, nghĩa là : Thiên hạ không có đạo, ta sẵn sàng chết cho đạo. Ngu ý tôi, đấy mới là bản sắc kẻ sĩ !

Nghe Chu Văn An nói, hai quan Thái giám, quay lại phía quan Tư đồ vừa đi khỏi. Biết họ có ý tứ gì, Chu Văn An làm thình, từ từ khép cửa, đốt thêm hai ngọn bạch lập, thay vào chỗ hai đĩa đèn, lửa đã cháy gần đến chân giá nến.

Không để ý bóng hai người không còn in trên cửa sổ phía ngoài, Chu Văn An mài nghiên mực và chọn tờ giấy hoa tiên, rồi cân nhắc từng chữ viết...

VIII- THẤT TRẨM SỞ VÀ NHỮNG LỜI BÀN CÁC THỂ KỶ SAU

Càng về khuya, căn phòng làm việc của Chu Văn An càng tịch mịch. Ánh sáng bạch lạp lung linh nhảy múa mỗi khi cơn gió nhẹ lay động rèm cửa. Thỉnh thoảng, lại có bóng người qua lại và, làm như là tình cờ, dừng ngoài cửa sổ. Vẫn không để ý, có lẽ do quá quen thuộc về sự rình mò của hai Thái giám được cất cử kín đáo theo dõi ông mà trong bụng ông luôn coi khinh. Lý do chính, là ông đang tập trung viết. Dù ý tuôn nhanh, nhưng Chu Văn An thận trọng từng nét bút, sao cho chân phương, đĩnh đạc.

Đời ông, lần đầu tiên, ông thận trọng thế này, cả những lần đi thi, ông cũng không cân nhắc chọn chữ như thế.

Bởi, ông muốn ý ông trút trên những tờ giấy hoa tiên, rành rọt, khúc chiết và đanh thép, nêu ý nào là đúng đúng chữ ấy, không ai hiểu lầm, bắt bẻ.

Từ khi vào đây, nhất là những năm trị vì của Dụ Tông, ông lại được cử dạy vua học, nhưng mỗi buổi giảng bài, ông không khỏi ngán ngẫm, buồn phiền. Có thể nói, buồn cháy ruột nữa.

Nếu có người đi dạy học nào, đã uyên thâm chữ nghĩa, nhưng tự coi như thiếu, nếu không đọc sách và nghiên ngẫm tìm đáy sâu từng con chữ ra những ý tứ sắc sảo, để học trò học một, hiểu mười. Nhất là dạy Thái tử và Hoàng tử, những người tuổi còn trẻ lại gánh vác trọng trách tối thượng quốc gia, thì một dòng chữ, một trang sách, ông giảng cặn kẽ, ắt sẽ lợi ích trong việc hành xử không nhỏ.

Có buổi học, Dụ Tông hỏi Chu Văn An :

- Đọc sách nhiều, thầy giáo có nhớ ý đoạn Mạnh Tử trao đổi với Tuyên Vương về quan hệ vua - tôi ?

Chu Văn An, không nghĩ ngợi, nói ngay :

- Trình tâu, ý Mạnh Tử cho là, về chức vụ, vua đương nhiên cao nhất, kẻ bề tôi ở dưới. Nhưng, xét về tình người, thì vua cũng là người, bề tôi cũng là người, hoàn toàn bình đẳng nhau.

- Thế còn bề tôi có được can vua ?

- Trình tâu, ý Mạnh Tử thật rõ, chỉ có các bậc đại nhân mới dám chỉ trích những sai trái quân vương. Theo thần thiển nghĩ, bậc đại nhân, đó là người trí thức, có dũng khí, đầu đội trời chân đạp đất.

Dụ Tông còn gặng :

- Đạo đức của vua, của tôi là gì ?

Chu Văn An cặn kẽ nói :

- Trình tâu, vẫn theo ý Mạnh Tử, làm vua, có đạo đức của vua. Làm tôi, có đạo đức của tôi. Khổng Tử đã từng nói : *Đạo nhị nhân dĩ bất nhân nhi dĩ hĩ* . Nghĩa là, bất kể là vua hay bề tôi, chỉ nhìn vào hành vi họ có nhân hay bất nhân là biết ngay. Có nghĩa là về địa vị, vua tôi là mối quan hệ trên dưới, nhưng về nhân cách đạo đức, chỉ khác nhau ở chỗ : nhân và bất nhân.

Dụ Tông chậm hiểu :

- Giải thích như vậy là đánh đồng đều chăng?

- Trình tâu, không phải vậy, nhân cách đạo đức con người là nhân bản. Địa vị quyền lực là hiện thời trước mắt. Phải nhìn vào nhân cách mỗi người mà xem xét. Hơn nữa, không phải bất biến, thậm chí nó thay đổi theo nhân và bất nhân.

Vừa giảng, Chu Văn An vừa liếc nhìn vị vua trẻ mà thấy trong lòng ngao ngán. Biết bao lần như vậy, chỉ toàn hỏi những điều đã biết rồi để chứng tỏ mình có quan tâm. Nhưng cứ nhìn cách ngồi, điệu ngáp, ánh mắt khi chờ đợi mệt mỏi, khi nhìn ngang nhìn ngửa đi đâu, người dạy học có bề dày tuổi nghề và kinh nghiệm như ông không khỏi cảm thấy bị xúc phạm, như bị đổ nước lạnh vào nhiệt tình. Khốn nỗi, dạy vua, nên ông phải chịu đựng, chịu đựng hết buổi giảng này đến buổi giảng khác. Ấy là

không nói còn bao con mắt rình mò, lợi dụng sơ hở là bới bèo ra bọ !

Trong khi người học trò của Chu Văn An, trẻ nãi buổi học, bao nhiêu chữ nghĩa thầy dạy, để rơi vãi như bỏ vào cái túi thủng, thì xung quanh, nào Trâu Canh, nào Bùi Khoan, nào Trần Ngô Long, mỗi người một mẹo, một sở trường, lôi kéo nhà vua hết trai gái, lại cờ bạc, hát xướng. Nhà vua liệu có biết rằng những kẻ siểm nịnh ấy làm vui lòng nhà vua không phải vì nhà vua, vì xă tắc mà chính là vì mưu đồ lợi ích riêng của họ nên họ không từ một thủ đoạn nào?

Ấy là không nói, trong lúc đó những cột trụ triều đình khác, phe đảng, hoặc ngầm phản vua, hoặc chờ cơ hội, để cướp ngôi vàng.

Và cứ thế Chu Văn An, bên cạnh Dụ Tông, canh cánh lo cho nhà vua, cho đất nước mặc dù vua không đếm xỉa đến sự học của ông dạy để trị nước. Là nhà giáo, tâm địa chính trực của một nhà Nho, ông thấy nếu dẹp được những dâm thân, loạn thân, những kẻ thất nhân tâm bên cạnh vua, có thể coi như đã “cởi trói” cho vua, để vua dốc vào đường, sáng lo cho dân cho nước. Lòng nhà giáo họ Chu, trắng như tờ giấy tàu bạch, ông nghĩ diệt những đầu sỏ nghịch thần là triều đình sẽ trong sạch, đại sự được văn hồi.

Đêm hôm ấy, quan Tư đồ Trần Nguyên Đán ra về cấp rập, còn lại Chu Văn An cảm thấy bản thân quá cô đơn, quá lẻ loi nhưng tâm trạng hình như bốc lửa, như củi thông chất cao đang cháy. Trên từng tờ giấy hoa tiên, ông cân nhắc từng nét chữ, từng con chữ, từng tên người và sự việc. Ông viết mạch lạc, ý tứ chặt chẽ mà tâm huyết sôi nổi tỏ bày và hy vọng.

Ông chợt thấy cần Trần Nguyên Đán đến lúc này, nhưng hẳn quan Tư đồ cũng không kém nghịch cảnh u uất, lại có thể phức tạp hơn ông. Chu Văn An, nhận ra rằng chiếc áo thụng màu xanh hay vàng tía, chiếc mũ cánh chuồn và đôi hài hia, có phân biệt từng phẩm trật quan ở trong triều nhiều nhường, nhưng chỉ vinh thân phì gia cho kẻ nịnh, mà bi kịch, thảm họa cho những quan trung liệt.

Tập giấy hoa tiên, gấp dọc đã thành một xếp, Chu Văn An cẩn thận đọc lại từng tờ, dò lại từng dòng và từng nét chữ, ông xếp lại cho phẳng phiu rồi nắn nốt ghi bên ngoài mấy chữ "*Thất trăm số*" và đem đến phòng ngự riêng của Dụ Tông, nơi ông thường đặc cách đến dạy vua, không nhớ bao lần. Bao lần nước chảy qua cầu, nhưng dòng nước luôn vẫn đục.

Mũ, áo, hia của ông, Chu Văn An treo kín vào góc khuất. Chiếc áo the năm nao ở trường Huỳnh Cung, cả chiếc quần trắng vải thô và đôi dày cỏ,

những kỷ vật sạch quý đời nhà giáo, cất kỹ bao năm, sáng sớm hôm nay, ông mặc vào, sao mà vừa vặn, sao mà phong độ nhẹ nhàng thanh thản và như nhà giáo hành nghề với tất cả sự cao quý của tấm lòng kẻ sĩ tâm huyết !

Khoác chiếc đũa vải nhẹ tênh chỉ có vài bộ áo và mấy pho sách quý, Chu Văn An kín đáo theo ngõ hẹp, rời khỏi cung điện. Ông như người tỉnh cơn mê nặng trĩu, tâm hồn êm ấm, và tù túng như người bị giam lỏng bằng sợi dây vô hình, tưởng đẹp hóa ra thít chặt người ông. Mà đâu phải một năm, mà đâu phải chỉ một đời vua !

Gần lửa rát mặt bao năm, bây giờ ông đi trên con đê lộng gió. Cái mát mẻ đồng ruộng, như chảy vào thớ thịt ông, lâng lâng, vui sướng nhẹ người !

Trong khi ấy, Dụ Tông, lấy sức lực yếu ớt gỡ tay ở “ngon lành” đang nằm bên cạnh. Mệt mỏi, nhà vua ngắm nét chữ thầy học, rồng bay phượng múa ở áo bao bì, nét chữ “*Thất trăm số*”, thật bạo dạn và nặng khí phách của một tôi trung. Dụ Tông đang tư lự, thì ả non tơ nũng nịu gọi Dụ Tông nằm xuống và ôm chặt lấy ả bụng rơi tờ số của thầy lăn lóc trên sàn nhà.

Rời kinh đô và để lại “*Thất trăm số*”, tờ số thay ông nói với vua, thẳng thắn, công khai đòi

chém bảy quyền thần với ý nghĩ tốt đẹp của tôi trung, mong cứu vãn tình hình bê bối của triều vua Dụ Tông.

Ý nghĩ của ông, tâm huyết của ông giải bày tất cả ở tờ sớ mà mỗi câu, mỗi chữ là những lời lên án hùng hồn đúng với thực tế từng gian thần, lại cũng thật đúng với bức tranh vô cùng hoen ố của triều chính Dụ Tông. Nét bút tờ sớ của ông khác gì cây cọ trong tay họa sĩ, muốn xóa bức tranh méo mó, bản thủ, để pha bột màu vẽ nên bức tranh sáng sủa, đẹp hơn. Ý đồ của họa sĩ thì tốt đẹp, nhưng môi trường thiếu ánh sáng, làm sao bức tranh hài hòa được từng gam màu ?

Người xưa, dù chỉ nghe tiếng “*Thất trăm sớ*” của Chu Văn An, cũng đã có bao lời hay ý đẹp ca ngợi ông.

Nhà sử học nổi tiếng là Lê Tung thế kỷ XV, đánh giá một cách dứt khoát : “*Thất trăm chi sớ, nghĩa động quý thân*” (tờ sớ đòi chém bảy tên, nghĩa khí chấn động cả quý thân). Các nhà làm sử nước ta, khi nhắc đến “*Thất trăm sớ*” đều trọng vọng đánh giá cao Chu Văn An.

Đan cử, Ngô Sĩ Liên, Lê Tung, Đặng Minh Khiêm cho đến Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú, Cao Bá Quát v.v... đều tỏ ra tâm đắc với nghĩa khí của

tác giả “*Thất trăm số*”, đúng như lời thơ của Nguyễn Văn Lý thế kỷ XX :

Thất trăm vô vi tồn quốc luận

Cô vân tuy viễn tự thân tâm

(Dịch nghĩa : Số thất trăm không được thi hành, cả nước còn bàn luận. Đám mây lẻ loi tuy xa vẫn tự có tinh thần trong lòng)

Cao Bá Quát, một nhà Nho anh hùng, gần chúng ta hơn ở đầu thế kỷ này, ca ngợi Chu Văn An bằng những lời đẹp đẽ chí tình :

Tiết cứng, lòng trung khí phách hùng

Một tay muốn kéo lại vừng hồng

Và, với “*Thất trăm số*” của Chu Văn An, Cao Bá quát ca ngợi :

Thất trăm yêu ma phải rợn lòng

Trời đất soi chung vầng hào khí

Nước non còn mãi nếp cao phong...

Thực là, từ Chu Văn An đến Cao Bá Quát, lịch sử đã đi dài năm trăm năm, song anh hùng tương ngộ, hai người này có chỗ tương đồng, đó là họ căm ghét những sự bất công và không dung nạp điều xằng bậy. Cả “*Thất trăm số*” của Chu Văn An, cả cảm hoài thiết tha của Cao Bá Quát vịnh Chu Văn An, chất khí khái của một nhà Nho và chất anh

hùng ca, dù năm tháng trôi qua, nhưng vẫn đời đời in sâu trong lòng người dân đất Việt.

Và, “Thất trăm số” của kẻ sĩ, của nhà giáo Chu Văn An, tờ số thất truyền từ đời Dụ Tông, vẫn còn những giá thuyết lý giải sự thất truyền ấy. Hoặc là Dụ Tông không nghe lời khuyên của Chu Văn An, nhưng trong lòng vẫn kính nể người thầy học, tính tình nghiêm nghị luôn tôn đạo làm thầy. Lời nói lẫm liệt kẻ địch phải sợ. Bởi vậy, Dụ Tông hủy tờ số để tránh cho Chu Văn An sự trả thù của bọn gian thần có tên trong tờ số.

Hoặc, bọn gian thần cũng xem tờ số đó, nhưng chúng hủy đi để bịt dư luận về tội trạng của chúng được ghi trong tờ số.

Hoặc, lẽ nữa, có thể những người kính yêu ông, hủy tờ số đó để bảo vệ ông.

Có thể, về danh nghĩa, Dụ Tông là người cầm quyền cao nhất, nhưng cá nhân Dụ Tông là ông vua mờ tối. Dụ Tông, nếu không hoảng sợ, thì cũng không đủ dũng khí thực thi chém bảy gian thần được nêu rõ ở tờ số. Giả dụ, Dụ Tông không đến nỗi yếu hèn như thế, nhưng toàn bộ quyền lực do bọn quyền gian nắm chặt, Dụ Tông cũng đành thúc thủ với chúng mà thôi !

Dù, đương thời hay đời sau, những người khí tiết ca ngợi ông là sao Bắc Đẩu, sao Khuê. Thật

đúng như Đặng Minh Khiêm, chỉ bốn câu thơ vịnh
Chu Văn An, đã chính xác nêu rằng :

Xong chương Thất trăm cũng từ quan

Già ẩn Chí Linh hưởng thú nhàn

Khí tiết thanh cao nêu thiên cổ

Sĩ phu ngưỡng vọng tựa Thái San

IX - LẠI TIẾP TỤC DẠY HỌC Ở NÚI XANH CHÍ LINH

Chu Văn An trở lại ngôi trường tranh tre Huỳnh Cung được xây dựng ít năm sau khi thầy Chu bước vào nghề dạy học. Từ ngôi trường mộc mạc này của ông không biết có bao nhiêu người đã chấp cánh bay xa với tấm lòng hồ hởi, với chí nguyện rạng rỡ cái tâm hiếu thảo và cống hiến. Thầy không nhớ hết tên trò khi trò đã vào đời, nhưng rất nhiều trò ham học và chí hướng, không nói những người có danh vị xã hội, mà ngay cả những người chỉ sống cuộc đời đạm bạc nhưng vẫn gìn giữ đức hạnh, tất cả đều nhớ công ơn thầy đã mở mang trí óc, đem lại nhiều kiến thức sâu rộng, uyên thâm cho họ. Bản thân họ khi tuổi đời cao, khi kinh nghiệm sống phong phú, đều không quên thầy giáo cũ và những bài học dường như từng lớp trầm tích, kết khéo, dày thêm, như là thứ mỏ quý vô giá.

Nhìn ngôi trường Huỳnh Cung, ngắm những chặng đường dạy học, Chu Văn An như thấy những gì đẹp quý, thiêng liêng trở lại, hòa với gió mát lan tỏa làm gợn sóng Đầm Mực đã một thời đầy kỷ niệm, những kỷ niệm ấm áp, trong sáng của đoạn đời làm thầy.

Mỗi bước chân đến gần trường cũ là mỗi kỷ niệm nảy nở hết chuyện này đến chuyện khác theo một cấp số nhân thú vị. Chợt trong trường bước ra một thầy giáo tuổi đã trảng niên, nhưng Chu Văn An vẫn nhận ra được. Cùng với dáng điệu cung kính khoanh tay, đầu cúi và miệng lễ phép: “Con bầm thầy ạ” của người này, Chu Văn An hớn hở: “Thanh đó con?”

Đúng chú bé được cha dẫn đến xin học hồi ấy, chú bé ngoan ngoãn, lễ phép, kính thầy nhường bạn chú bé chăm chỉ vài tháng thì xong trung tập, vì hoàn cảnh gia đình xin nghỉ học, đã được Chu Văn An nuôi ăn, dạy bảo. Và cái buổi cuối cùng rời trường Huỳnh Cung về kinh đô, chính người học trò thầy Chu đặt tên Nguyễn Thanh này đã khóc tiễn thầy đi. Hôm nay, vừa gặp thầy giáo cũ, Thanh lúc này cũng là thầy giáo trẻ Huỳnh Cung, đã cảm động thổ lộ ngay:

- Thưa thầy, đời con không bao giờ quên được lời dặn của thầy trước bữa cơm tạm biệt. Con ghi nhớ thầy đã bảo con: “Con có ngọc quý, không nên cất đi mà mở trường khai sáng cho lớp trẻ”.

Chu Văn An cảm động:

- Cám ơn con không quên lời thầy, thôi con vào dạy học đi, bao trò đang chờ.

Thanh vẫn bịn rịn:

- May cho con đỗ tú tài năm ấy, vài năm sau làng sở tại đây thấy con là học trò cũ của thầy đã mời con sang dạy học.

Chu Văn An vui vẻ:

- Thế bây giờ về chức phận, thầy trò ta là đồng nghiệp, khen con có chí. Nhưng để thầy trò ta nói chuyện mãi còn đâu cái nghiêm chỉnh, để làm gương cho học trò đang chờ con ở lớp học. Con đã là thầy rồi, con chớ lỏng lẻo chữ lẽ!

Bà Chiêm thấy con về đột ngột, vui như người bất được của. Cho đến năm nay, lưng hơi còng rồi, bà vẫn không bỏ nghề hàng sáo. Đoán biết ý con, bà nói:

- Buổi sáng, mẹ chạy chợ một thoáng thôi mà. Ra đi thì cái thúng úp vai, cái đấu đong gạo lục cục theo bước chân. Tan chợ đã có lưng đấu, có hôm đầy đấu gạo, mẹ nhẹ tênh đội lên đầu, không phiên chợ nào mà mẹ không ra chỗ bán mía, quơ một đống và buộc chặt mang về phơi dần dần. Mẹ nghĩ mẹ có chịu thương chịu khó để đỡ cho con. Đi bảo học, con có làm quan đâu mà lăm bồng lộc mà bảo mẹ nghỉ hàng sáo?

Bà nói một thôi như để con yên tâm. Nhưng Chu Văn An vẫn ngồi thừ ra và chép miệng:

- Một đời mẹ, sáng nào cũng “đầu đội thúng gạo, tay cắp nắm bã mía!”

Bà Chiêm lắng chuyện:

- À, may quá hôm nay thấy cá rô ron mẹ mua, nào ngờ con mẹ được thức ăn sở thích. Cá rô ron kho chín, vằn trấu, ăn được cả xương. Tha hồ ngậy, ăn kèm rau muống đằm luộc chín, chấm tương bần. Lần này, con phải ăn hai lưng rươi cho mẹ mừng.

Lát sau, mâm cơm mẹ dọn ra. Lạ quá, không phải hai cái bát, hai đôi đũa mà là ba:

- Cậu học trò con dạy năm nọ đó mà!

- Mẹ bảo sao?

Bà Chiêm nói như đã suy nghĩ chín ở trong lòng:

- Con người ta ăn ở với nhau không gì bằng cái nghĩa. Cậu Thanh đã là cậu tú, được dân rước sang đây bảo học ở trường Huỳnh Cung. Nghĩa ơn nghĩa của con, cậu ấy sang đây ở, sớm tối có già có trẻ !

Không trả lời mẹ, Chu Văn An nghĩ đến những năm được giao phó dạy mấy đời vua học. Cũng chữ nghĩa Đạo Thánh hiền đẹp sáng hết mực ấy, nhưng vua trẻ tuổi, mờ tối ở một triều chính đang đi xuống. Học trò ấy là “bê trên” của ông, dù

ông cố mấy, tâm huyết mấy trong cái tâm lương thiện và trách nhiệm người đồ sùc dạy học, nhưng hiệu quả thật ít ỏi quá !

Có gì đâu, có quyền lực, địa vị cao xa rồi, mấy ai thấy cần phải học ? Vì, đã có bao đầu óc các quan trong triều nghĩ thay ngài. Vậy mà sinh mạng của cả một đất nước đều ở trong tay người học trò ấy. Trong khi đó, người học trò ở nơi dân dã, tưởng là nghèo khổ, tối tăm nhưng lại có một tâm hồn trong sáng đến thế.

Gần mẹ ít ngày, thấm thía tình mẹ con, Chu Văn An thương mẹ hết sùc . Nhưng nghĩ đến “*Thất trăm sù*”, nghĩ đến Thanh Liệt chỉ cách vài dặm là đến kinh kỳ, Chu Văn An tránh liên lụy cho mẹ, ông quyết định lại lên đường. Mẹ ông chỉ chẹp miệng :

- Con dạy học vất vả thế, mới vài ngày mẹ con gần nhau, thì con lại đi !

Chu Văn An an ủi mẹ, rồi ân cần bảo Thanh :

- Anh nối nghiệp thầy giáo cũ, tiếp tục nghề, ta yên tâm lắm. Ta còn mẹ già , trăm sự nhờ anh !

Thanh thành tâm :

- Thầy thường dạy con, đạo học là nghĩa lớn, đạo làm người nghĩa càng lớn hơn. Thầy xa con và tin cậy con, xin thầy yên tâm, bao giờ con cũng nhớ

ơn thầy, không chỉ ở ý nghĩ, tấm lòng, mà chủ yếu ở sự đền đáp. Con luôn vâng ý thầy.

Chu Văn An cảm động :

- Cũng là số trời cho ta gặp anh và dạy anh đôi chút. Nhưng, muốn nên người, muốn là thầy giáo đúng nghĩa cao đẹp thầy giáo cần học thêm không biết mỗi. Nhưng nhân cách ông thầy, nếu là gương sáng, mà gặp trò nào mờ tối không theo, ông thầy lại cần luôn cứng cỏi, hiên ngang, luôn gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn ! Thầy luôn tâm niệm, dạy chữ là dạy người, dạy cách sống không tủi hổ với nghĩa cao đẹp chữ “Người”. Nhưng, muốn dạy chữ kết quả, phải dạy hiếu, dạy nhân, dạy lễ.

Nghĩ bước đường đi tới, chưa rõ xuôi sẻ hay gập ghềnh, Chu Văn An nắm chặt tay Thanh, như muốn truyền hết cho người học trò có nghĩa nhưng ý tứ mà ông muốn nói. Bịn rịn từ biệt mẹ, mắt ông rơm rớm, ông vội ra ngõ và đi mau hơn.

Chu Văn An tự nghĩ, trước sau ông chỉ là nhà giáo. Sau khi dâng “*Thất trăm sớ*”, ông càng nhìn thấy sự bất lực của vua Dụ Tông, càng hiểu tác hại vô cùng lớn lao của vua dùng những bề tôi mất chất và phản trắc. Việc từ bỏ triều đình này, đối với ông, chẳng có gì đáng tiếc. Việc làm của ông cũng là việc tất nhiên mà một sĩ phu chân chính phải làm.

Về núi Chí Linh, xa kinh thành, khi ngẫm lại bản thân dạy hai đời vua và tiếp xúc với các quan khi có yêu cầu công việc, ông có sự tự tin của người “cây ngay không thể chết đứng”, nên ông giữ được sự nề vì. Duy, với quan Tư đồ Trần Nguyên Đán, ông luôn nhớ tới với sự tiếc nuối sâu xa nhất là những lúc không tìm được ai thổ lộ can tràng ở nơi ngút ngàn núi cao và xanh rì rừng cây này. Ban trưa, nắng gắt, oi nồng, tiếng chim “bắt cô trói cột” vang xa và nhức nhối.

Chí Linh là một huyện ở phía tây bắc tỉnh Hải Dương ngày nay, sơn thủy hùng vĩ, có hai dãy núi nổi tiếng là dãy Côn Sơn và dãy Phượng Hoàng, ngọn núi cách Côn Sơn vài chục dặm về phía bắc. Núi Phượng Hoàng, đỉnh cao đứng giữa, hai bên núi xòe rộng, trông xa tựa chim phượng hoàng đang giang cánh. Dưới núi, có giếng, đáy giếng sơn quý nhuyễn như bùn. Thứ sơn ấy, sắc tươi, đẹp hơn các thứ sơn khác. Người ta chỉ cần lấy ống tre, thò xuống đáy giếng, múc sơn, nhũn như bùn, đem phơi khô, thì rắn lại thành sơn.

Những ngày đầu đến Chí Linh, cảnh nơi đây tĩnh mịch đến ghê người. Đối cảnh sinh tình, nhà giáo Chu Văn An làm bài tứ tuyệt, tựa Linh sơn tạp hứng (cảm hứng nhiều ở núi Chí Linh) và tạm dịch như sau:

Chất trước hình phong bóng núi êm

Nửa khe bóng ngả nổi chân chim

Lối hoa vắng vẻ người khôn tới

Thỉnh thoảng non mù một tiếng chim.

Dù ông thay tên Tiêu Ẩn (người kiếm củi ẩn dật), chỉ ít lâu, khắp vùng đồn đại, tên tuổi thầy Chu Văn An, nhà giáo nổi tiếng dạy giỏi và sáng ngời đạo đức khí khái túc nho đã miêng truyền miêng vang dội khắp nơi. Người nọ mách người kia, ai nấy dắt con đến nhờ thầy dạy bảo. Vì vậy, ông lại mở trường tiếp tục “trông người”.

Điều may mắn không ngờ, ở nơi rừng núi heo hút này, con cái người dân tộc, đã được ông cho ngồi cùng học với học trò vùng đồng bằng ở Hải Dương. Ông coi học trò bình đẳng như nhau, chẳng phân biệt kẻ sang kẻ hèn, người kinh hay người trại. Những buổi dạy của ông, học trò đều hiểu bài, đều chăm học và tấn tới. Vẫn theo thói quen, ông chăm đọc sách. Có lẽ, những sách kinh điển như Luận ngữ, Mạnh Tử, Lễ ký v.v... trước đây, ông đã đọc những năm làm thầy giáo, ông lại đọc và đọc đi đọc lại. Mỗi lần, ông khám phá nghĩa chữ, nghĩa câu, ẩn sâu súc tích và vẫn cảm thấy như mới, như chưa nhuần nhuyễn tinh hoa con chữ của Thánh hiền. Nhiều khi rối rĩ, ông ngao du sơn thủy, bầu bạn với nước biếc non xanh.

Có lần Dụ Tông nhắn lời cố mời, nhưng ông không về triều. Bà Hoàng Thái hậu là Hiến Từ đã nói với Dụ Tông rằng : Bậc sĩ phu như Chu Văn, trong sạch sửa mình, vua bắt sao nổi họ trở về làm tôi cho mình ? Lần đó, từ chối sự mời mọc của Dụ Tông, với Chu Văn An, thực chất vẫn là từ chối giáp mặt với bọn nịnh thần. Cũng còn là từ chối Dụ Tông đã từ lâu, ham mê tử sắc, bỏ bê ngai vàng.

Thời gian ông dạy học ở Chí Linh, xảy ra sự việc Dương Nhật Lễ cướp ngôi nhà Trần. Nhưng chỉ ít lâu sau, dưới sự chỉ huy của Trần Phủ và chị gái là công chúa Thiên Ninh, lại được các quý tộc trung thành như Trần Nguyên Đán, Trần Ngạc v.v.. hết lòng ủng hộ, đã lấy lại kinh đô, Thăng Long. Trần Phủ tức Trần Nghệ Tông lên ngôi.

Dù đi ở ẩn nơi núi xanh rừng thẳm, thâm tâm Chu Văn An, bởi lòng trung của một nhà Nho, vẫn gắn bó với triều Trần, với những minh quân. Được tin Nghệ Tông lên ngôi, dù ở xa và tuổi cao, ông vẫn chống gậy về triều chúc mừng. Vua chân tình mời ông ở lại, nhưng tuổi cao rồi, ông phải theo nghề dạy học đến cùng.

Học trò ông, ở vùng Chí Linh, con nhà dân thường, nhưng chăm học, hiếu nghĩa và lễ phép. Ông từ chối khéo, vua ưng thuận.

Gặp lại Trần Nguyên Đán, như gặp lại bạn bè tâm đắc keo sơn. Bao chuyện vui mừng thổ lộ. Bao cái cau mày khi nhớ mấy đời vua trước. Xa nhau, hai người, một là quan Tư đồ, một là thầy giáo, hơn lúc nào hết, tình cảm đối với nhau vẫn như thứ sơn đỏ tươi ở giếng núi Phượng Hoàng.

Chu Văn An nhắc nhớ lại bài thơ quan Tư đồ gửi về Côn Sơn tặng ông năm trước. Người làm thơ và người được tặng thơ, tóc bạc cước rồi, nhưng sáng khoái vẫn cùng ngâm :(tạm dịch)

*Áo gấm mũ thêu lòng lạnh rồi
Gió sương đầu dóm đốt bông mai
Ngoài non mây trắng đùn cao ngất
Đường tia chìa ra, ngựa mệt nhài !*

Ở bên bạn, cảm nhận được sự đồng cảm của bạn với mình, Chu Văn An lại càng nhớ đến ngôi trường Huỳnh Cung trước đây và ngôi trường hiện nay ở vùng Chí Linh. Đồng thời, hơn lúc nào hết, ông cảm thấy nghề “trồng người” khó khăn nhưng cao quý làm sao ?

X - CHU VĂN AN - TÌNH THƠ - TÌNH NGƯỜI

Có thể nói, hơn bốn mươi năm dạy học, dạy từ mấy đời vua, đến bao lớp tráng niên con nhà quyền quý, lẫn con thứ dân, ông đã để lại bao bài thơ trong lòng người học. Đó là thứ gấm quý, ông đã cẩn mẫn dệt trong tâm hồn và nhân cách họ.

Ở nước ta, từ thuở xa xưa, kể cả vua, danh tướng, nho sĩ, nhà giáo, phần lớn đều trước tác và làm thơ. Nói về trước tác, cũng nhiều thể loại như lịch sử, địa chí, tùy bút, hịch, cáo, sớ v.v... Đến nay, những sách lưu truyền và gìn giữ được, là tư liệu vô giá để lớp hậu sinh hiểu người xưa một cách xác thực và rút ra những bài học hết sức bổ ích, cho những đời sau.

Một đặc thù ở những sĩ phu thời trước, là sự nghiệp chính trị, thường gắn với sự nghiệp thơ văn, là hai mặt tốt đẹp của “gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo” (Nguyễn Du).

Chu Văn An, có một cuốn sách, gồm mười quyển, cuốn *Tứ thư thuyết ước*. Trong 40 năm ở Quốc tử giám, ông không chỉ rút ruột nhả tơ qua những bài giảng, mà còn đúc kết bài giảng cùng phương pháp dạy. Tiếc thay và cũng căm giận thay, để ngu dân và đồng hóa, giặc Minh xâm lược đã cướp gần hết sách quý của ta.

Dù chúng ta chỉ nghe tên sách của ông được ghi trong sách sử cũ, chúng ta tin tưởng *Tứ thư thuyết ước* giá trị lắm. Bởi, viết sách giáo khoa, phải có kiến thức chín chắn, sâu và có bề dày tuổi nghề, sách viết ra mới chuẩn xác. Nếu như cuốn sách của ông còn đến bây giờ hẳn sẽ có nhiều bài học quý giá cho việc giảng dạy thời nay.

Không chỉ có tâm hồn của một nhà giáo, Chu Văn An còn có tâm hồn của một nhà thơ. *Quốc âm thi tập* của ông bị thất truyền, nhưng cái tâm thơ Chu Văn An đã thừa kế tinh hoa văn nôm của đời Lý, trước ông.

Qua *Tiêu Ẩn thi tập*, dù chỉ có 12 bài và được viết bằng chữ Hán, dù chúng ta chỉ căn cứ vào những bài thơ dịch của những dịch giả tin cậy, ta cũng hiểu được sự rung động về cảnh về tình của Chu Văn An ở Chí Linh, những năm ông về già và đi ở ẩn.

Nhìn khái quát những bài thơ ngắn này, tuy viết bằng chữ Hán nhưng không có điển tích. Nói về cảnh, đều dùng hoa lá, mùa xuân v.v...nhưng cảnh và tình hết sức sinh động. Có khi, là một cảm hứng lúc dạo chơi trong “*Đêm trăng trên đường trông thông ở đất Tiên Du*”, “*Tạp hứng ở núi Linh Sơn*”, “*Nghỉ tạm ở thôn Nam*”; có khi là nổi rung động bởi một “*Sáng mùa xuân*”, “*Đầu mùa hè*”, “*Ao Ba Ba*”, “*Sông Thanh Lương*”, có khi là cảm xúc của một

tôi trung khi nhìn thấy lăng mộ của vua cũ “*Thơ làm bên sông*”, “*Trông Thái Lăng*” (Thái Lăng : Lăng Trần Anh Tông ở ĐôngTriều), có khi thù tạc “*Hoa vận tặng Thùy Vân đạo nhân*”, “*Kính họa thơ vua*” v.v... Bài thơ nào, thoạt đầu đọc, có thể hiểu ông là một lăng nhân đang vui cùng trăng thanh gió mát với, “*lời thơ trong sáng, u nhân*” (Phan Huy Chú nhận xét). Nhưng, thơ Chu Văn An càng đọc kỹ, càng thấy sâu, càng thấy khó để hiểu hết ý. Cũng như những nhà thơ trước và sau, quan niệm “*Thi ngôn chí*” (Thơ nói chí), Chu Văn An cũng theo quan niệm này, nhất là ông thuộc lớp người kiến thức uyên bác, lại dạy học bốn chục năm, cách diễn đạt trong sáng, nhưng ý tứ là trầm tích, càng đào sâu, càng khai thác quặng quý. Ý trong thơ ông, có lúc nằm ngoài lời. Đọc lướt đi, chỉ nắm cái vỏ ngoài. Nhưng đọc chậm, đọc kỹ, mới thấy hết cái hay, cái sâu kín của tình ý thơ.

Chẳng hạn, hai câu bài tứ tuyệt “*Linh Sơn tạp ứng*”, nguyên văn chữ Hán là :

Thụy la kính lý vô nhân đảo

Sơn cước đề thanh thời nhất thanh

Nghĩa đen hai câu thơ thường vẫn dịch là :

Lối hoa vắng vẻ người khôn tới

Thỉnh thoảng non mù một tiếng chim

Lời dịch hai câu thơ này, tuy khá mượt mà, có lẽ nói chỉ là tiếp xúc cảm tính, mà thơ Chu Văn An,

phải là để nói chí. Bởi thế, tách “*Thúy la*” ra, ngoài sự hiểu “*Thúy la*” là “Lối hoa”, hầu như còn có thể hiểu “*Thúy la*” biểu hiện cái gì sáng, quý, đẹp, như là triều đình chăng ?

Và “*một tiếng chim*”, ngữ cảnh câu thơ cũng có âm thanh sức sống, trong cảnh non mù thiên nhiên, trong vẻ thiên nhiên đẹp. Nhưng “*Sơn cước*”, có lẽ không đơn thuần là loại chim chung chung rừng núi, mà là ẩn dụ chim đỗ quyên, chim cuốc thường được gọi trong dân dã, lại là loại chim tượng trưng cho hồn yêu nước của thế nước đau thương, mà người dân tâm huyết khắc khoải trong lòng, đêm khuya, vắng tiếng cuốc kêu.

Liên tưởng đến hai câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan, trong những thế kỷ sau, vào thời phong kiến suy tàn khiến cho tâm trạng nhà thơ nhưc nhối:

Nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc (đồng âm “quốc” là nước)

Thương nhà mỏi miệng cái da da (tức chim da da đọc đồng âm “gia” là nhà)

Bài “*Tôn nam sơn tiểu Khê*”, hai câu nguyên chữ Hán :

Phật giới thanh u, trần giới viễn

Đình tiền phún huyết nhất oanh minh

Thường dịch nghĩa là :

Cõi Phật danh u, cõi trần diệu vợi

Trước sân, một tiếng chim cuốc kêu rỏ máu.

Ở *Tiêu Ẩn Thi Tập*, tiếng chim cuốc thường được nhắc, không phải ngẫu nhiên mà là ẩn dụ, tăng chủ đề bài thơ. Tất nhiên không đơn thuần tả cảnh. Từ chuyển ý tiếng cuốc kêu, ở cõi Phật danh u này, cõi trần chẳng thoát tục được số phận con người. Mà con người ấy, là Chu Văn An đi ở ẩn, hoặc số phận con người ở triều đại Trần tuột dài vào suy vong, làm sao “*diệu vợi*”, thanh thoi được ? Và trước sân đình, ắt là giếng nước, vốn là nơi gắn bó với kỷ niệm của bao đời người từ lúc sinh ra đến lúc chết đi, trong tuần hoàn cuộc đời chúng sinh nơi cửa Phật. Tiếng cuốc kêu đột ngột, liên tưởng gì hơn, cái chí vẫn âm ỉ tiếng nói cõi lòng Chu Văn với thời đại ông còn muốn tôn thờ ? Hai tiếng cuốc kêu ở những câu thơ trích dẫn, dù sự sa đọa vua chúa cuối Trần cùng quan lại chủ chốt, màu áo thụng vương triều tuy có hoen ố mờ phai, nhưng máu đỏ quyên hồn nước lại càng thơm, càng đẹp ở nơi rừng núi. Bất lực, nhưng tươi đẹp nơi sâu thẳm lương tri con người trung kiên.

Cái tình của nhà thơ họ Chu là như thế, cái tình còn chộn rộn “*miết trì*”, tức ao Ba Ba. Nghĩa dẫn nôm, địa chỉ này là núi Phụng Hoàng có ao Ba

Ba. Núi xưa ở địa giới huyện Phường sơn kinh Bắc, sau thuộc huyện Chí Linh Hải Dương.

Dịch nôim thơ thất ngôn :

Cá bơi trên cao cũ, rồng ở chốn nào ?

Mây dày núi vắng, hạc chẳng thấy về !

Quế lão gió đưa đưa đường đá ngát

Rêu non nước dầm cửa thông hòa

Bốn câu thích, thực ở bài thất ngôn đem đến cho ta hiểu rằng, nếu “cá” là tiểu nhân, mà “long” là quân tử, lại đắp thêm nghĩa “thông” là quân tử, “rêu non” là tiểu nhân, sự nhấn ý, đâu tình cờ ? Nội dung kín đáo bao nhiêu, mãnh liệt bao nhiêu, phản ánh cách nhìn và cảm nghĩ của một tâm hồn lớn, vượt lên mọi dục vọng tầm thường về danh lợi, lúc nào cũng nghĩ đến non sông đất nước và chăm sóc dạy người để đóng góp vào sự nghiệp chung. Tư tưởng thơ Chu Văn An luôn sâu kín, cái sâu kín của giếng nước càng sâu vào đáy, nước càng ngọt ngào.

Bài “*Đêm trăng dạo bước...*” đã vẽ lên được du khách họ Chu trên đê trồng thông ở núi Tiên Du, chân bước đứng đỉnh, làng quê ở xa, có nước, có trời rộng mà hòa quyện. Trời sương lạnh, con chim co cổ đậu, im lặng trầm tư. Trong cảnh tĩnh lặng ấy, cá gặp nước vẫn bơi và đâu đó, vắng “tiếng sên”, có

rộn ràng nhưng khoảng trời rộng và ẩm ướt sương, âm thanh tiếng sên, lại hiu hiu, lắng đọng “một non không”!

Con sông Thanh Lương hiền hòa nhưng về chiều, lòng du khách trĩu nỗi niềm ở ẩn, nên “thơ thần”. Về ngoài nhân trần, hình như vô định trong ánh nắng chiều dần tắt, lại choàng tấm áo “gió lạnh” núi rừng. Nước thủy triều ở xa, vọng sóng xô về nhưng không gian vẫn còn xa lắc. Mái chèo của con thuyền xuôi nước, không thanh thần mà giục giã mái chèo của thuyền đã đi đường xa và mệt mỏi. (Bài “*Sông Thanh Lương*”).

Xuân ở nơi núi rừng buổi sáng, hình như vẫn cô quạnh, cô quạnh từ nếp “nhà trên núi vắng”, từ liếp trúc “nghiêng làn rét nhẹ”. Còn mây, vẫn biếc xanh nhưng cao vợi vợi, chỉ có làn sương khói lờ lờ như ngát ngơ say. Mặt giếng, nước không động đây. Và, nhà thơ họ Chu ngồi tĩnh lặng suy tư trước chén trà thơm bốc khói không hề động môi. Trà dường như thấm lặng cái rét núi rừng mùa xuân, tắt đọng trong lòng chén nên đặc đến sẫm màu, chắc chỉ còn vị chất chớ không còn mùi thơm. Tất cả, dù có động đây nhưng có gì trĩu nải, chìm đi và lắng lại. Cứu vớt sự sống của người và cảnh, là “một tiếng chim bên bờ suối”. Tiếng chim ấy, làm bừng tỉnh cảnh vật và tâm sự nhà thơ, tiếng chim báo hiệu “đã sang xuân” ! (Bài “*Sáng mùa xuân*”).

Thú tiêu dao của nhà thơ, sau buổi dạy học, là “một mình ở đình bên sông”, có cái thú đếm từng chiếc thuyền câu, gập ghềnh động đậy trên sóng nước sông thu. Cả ánh nắng chiều cũng như tắt đi, chậm chậm, ngờ như lòng nhà thơ hết tứ, nguội lạnh. Sự liên tưởng, hồi tưởng còn được đẩy đi xa, có nỗi phiền muộn tất yếu “công danh trót lạc vào hư ảo”. Nhưng, làm sao níu được chân nhà thơ không bước tiếp ! Làm sao chim hải âu lại rũ cánh? Ngược lại nữa kia, khi mà cánh chim còn muốn vẫy vùng giang thẳng, dù mặt nước còn điệp điệp trùng trùng khơi (Bài “*Thơ làm bên bờ sông*”).

Ngôi nhà của nhà thơ trên núi vắng xa xa đang tràn ngập ánh nắng đầu hè. Vẫn còn cái mát dịu xuân lưu luyến, vẫn còn gió xuân thấm hơi lạnh. Bóng cây hòe tràn trên nền sân. Lá hòe trên cành rung rinh, xanh tươi sức xuân khi mùa đông đã đi qua đang tắt mình trong ánh nắng rực rỡ. Và, “tiếng ve râm râm” giữa trưa hè chói chang như báo hiệu một cái gì đó mới mẻ. Giậu tre vẫn còn đó, lá rụng xác xơ nhưng măng non nhô dậy, thẳng đứng, nhựa sống tràn đầy. Những măng tơ ấy, biểu trưng cho các thế hệ học trò mà ông đã dồn bao tâm huyết dạy dỗ. Nay thầy Chu, lúc này còn ở ẩn và tuổi đã cao, nhưng kế tiếp ông đã có bao lớp măng trong các thế hệ học trò. Họ sẽ là những người mang hoài bão của ông, mang tâm hồn và nhiệt

huyết của ông đóng góp cho đất nước. Và, liệu rằng, sách ông gấp lại, rũ sạch trần ai, nhưng đâu có được? Thật ý tứ và tinh khôn, gió đầu hè vẫn mát hơi xuân, không nở để pho sách thầy Chu gấp lại lâu. Theo gió nhẹ đưa, sách thầy Chu vẫn mở ra, mở ra, đều đều từng trang huyết mạch cuộc đời làm thầy không nhớ rõ có bao môn sinh đã dạy (*Đầu mùa hè*).

Ông là một thầy giáo tận tâm, cả cuộc đời ông, đọc sách và dạy học không lúc nào ngơi nghỉ. Khi dâng "*Thất trăm số*", trong cán cân quyền lực không ngang sức, ông vẫn dám đương đầu và dũng cảm chờ đợi hậu quả xấu nhất đến với ông. Và, treo ấn từ quan, ông về ở ẩn núi Phượng Hoàng Chí Linh. *Mười hai bài thơ thầy Chu, không tránh khỏi chữ nhàn. Chữ nhàn mang cốt cách, phong độ nhà giáo chân nho, uyên thâm và tâm huyết.* Những cảnh rất thường, núi non, bờ tre, cảnh chùa, trời rộng mây trôi, sự nhàn hình hài ông ngao du ở cảnh vật, nhưng *tâm ông, đâu có làm khàn đi tiếng chim cuộc kêu ? Ngược lại, tiếng chim ấy, là tiếng lòng ông nhức nhối bộc lộ ở tình thơ. Tiếng lòng của nhà giáo, sự mô phạm theo đuổi nghề "thầy", là lẽ sống phẩm giá nhất ông xác định, thực thi và tôn thờ, lúc nào cũng đẹp sáng, mẫu mực, trường quy.*

“Thơ ngôn chí” trong “Tiêu ẩn thi tập”, dù 12 bài thôi, ở Chu Văn An, tình thơ tình người trong sáng giản dị, thiết tha, và đậm nét tuyệt vời về nhà giáo chân chính, kiệt xuất, học vấn uyên thâm, đạo đức trong sáng, nhân cách cương trực, cứng cỏi. Cách dạy hết lòng với học trò, nghiêm nghị chữ Lễ. *“Tiêu Ẩn thi tập” quả là một tập thơ tràn đầy tình nghĩa, tình người, đọc kỹ đến đâu, càng hiểu được ý tình Chu Văn An bộc lộ trong thời gian ở ẩn núi Chí Linh. Dù cả trong lúc ở ẩn Chu Văn An vẫn không làm mờ phai hình tượng sao Bắc Đẩu, sao Khuê mà những danh nho ca ngợi ông một cách thật chính xác tuyệt vời !*

XI - CHU VĂN AN MẤT - MÃI MÃI Ở ÔNG TỒN TẠI SAO BẮC Đẩu MÃI MÃI NGỒI SÁNG SAO KHUÊ

Sau lần chống gậy về triều chúc mừng Nghệ Tông, Chu Văn An trở lại Chí Linh. Năm sau, năm Canh Tuất, ngày 28 tháng 11 (1270) ông mất, tại xã Kiệt Đặc, nay là xã Văn An, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương thọ 78 tuổi. Trân trọng tài năng, nhân cách và cống hiến của ông, triều đình Nghệ Tông đã ban tên Thụy là Văn Trinh, cho thờ ông ở Văn Miếu và sai người mang nhiều lễ vật đến phúng.

Với triều đại phong kiến xưa, có lẽ ông là người duy nhất cống hiến trọn đời cho nghề dạy học. Đỗ đạt cao, chức quan to trong triều ở tầm tay, nếu ông theo các vị “khoa bảng” tìm vinh thân phì gia, theo xu thế thường tình thi đậu ra làm quan. Hoặc dù không làm quan nhưng nếu ông cam tâm khom lưng uốn cột, miệng nói khí khái nhưng hèn kém và hành động thất nhân tâm. Đời sau, nhắc đến tên, là chê bai, nguyên rủa.

Đấy có thể nói gần như tất yếu và đường mòn của những ai nắm quyền lực, mà bản thân không vững vàng, lại bơi trong vũng ao làn sóng rập rình kẻ nịnh tâng bốc, đi đôi với sa đọa bằng nhiều hình

thức tinh vi và cuốn hút mạnh như sức của nam châm !

Nhìn khái quát, cuộc đời Chu Văn An có thể chia làm ba giai đoạn. Giai đoạn đi học, đỗ đạt và dạy ở quê nhà (trường Huỳnh Cung). Giai đoạn dạy học hai đời vua, với chức Tư nghiệp ở Quốc tử giám, trường đại học đầu tiên và lâu đời nhất ở nước ta. Tư nghiệp, chẳng qua là chức quan nhỏ, một thứ “nhàn quan” nhưng không ít rể rúng của quan lại trong triều. Giai đoạn về ẩn cư ở núi Phượng Hoàng huyện Chí Linh, Hải Dương.

Trọn đời ông, chỉ theo đuổi nghề một cao quý: “trông người”, mà học trò của ông, ở trường Huỳnh Cung và Quốc tử giám rồi sau Chí Linh con số không ít, mấy ngàn người. Hai học trò “cá biệt” của Chu Văn An là Hiến Tông và Dụ Tông, hai nhân vật “tối thượng quốc gia”, nhưng lại là hai cái túi không đáy, dù ông đã chắt lọc tinh hoa và kinh nghiệm dạy học, dồn hết công sức nhưng những lời dạy chí tình của người thầy như nước đổ lá khoai, đổ bao nhiêu đều trôi tuột.

Nhưng không phải vì thế mà hậu thế lãng quên ông. Bởi lòng tận tụy của một nhà giáo, bởi đức thanh liêm và tính cương trực của một nhà giáo, Chu Văn An đã được các đời sau nhắc đến và đánh giá rất cao, trước hết là trong các sách chính

sử cũ, đầu tiên phải kể là *Đại Việt sử ký toàn thư*, sau đó *Việt sử tiêu án*, rồi *Việt sử thông giám cương mục*. Về những cuốn chính sử viết bằng quốc ngữ, phải kể *Việt Nam sử lược* (Trần Trọng Kim) *Lịch sử Việt Nam, tập I* (Ủy ban khoa học xã hội) v.v...

Cũng không ít dã sử, viết về Chu Văn An, đan cử Bộ *Nam Ông mộng lục* của Lê Trùng, trong đó bài "*Văn Trinh ngành trực*", tường thuật có tính chất ngoại sử đầu tiên về thân thế và phẩm chất Chu Văn An. Có thể nói *Nam Ông mộng lục*, ít tam sao thất bản, và phác dựng tương đối đầy đủ chân dung Chu Văn An và là tư liệu ảnh hưởng sâu xa cho những tác giả viết về Chu Văn An sau này. Có thể kể thêm, về dã sử, có loại *Sưu dị ký*, *Tang thương ngẫu lục*, cũng là những tài liệu tham khảo đáng quý để tìm hiểu Chu Văn An.

Lại thêm, loại lịch sử văn học viết về Chu Văn An khá nhiều. Trong loại này, trước hết lưu ý đến các hợp tuyển thơ cổ kim, như *Việt âm thi tập*, *Trích diễm thi tập*, *Toàn việt thi lục*, *Hoàng việt thi tuyển*... Gần đây, có *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, *Thơ văn Lý- Trần* (tập 3), *Việt Nam văn học sử yếu*, *Sơ thảo văn học Việt Nam* v.v..

Cũng không quên *mảng thơ vịnh về Chu Văn An*, ở mảng thơ này, không tránh được những ý giống nhau, giống nhau để nêu cái "thần" nhà giáo

họ Chu, nhưng mỗi bài vịnh thơ; đều có sắc thái riêng gửi gắm tình cảm của từng tác giả.

Nói đến những bài viết về ông, về trước tác và thơ văn ông, hãy nói đến đền thờ, văn bia tại quê ông ở làng Thanh Liệt, huyện Thanh Trì Hà Nội và Chí Linh.

Đền thờ ông ở quê nhà được lập sớm hơn, tuy đã bị hưng phế bởi thời gian và sự thiếu sót của ý thức bảo vệ di sản, nhưng đến nay, vẫn còn ngôi đền thờ Đức Thánh Chu. Theo Tang thương ngẫu lục của Kính Phủ, mới đầu, đền được xây nhỏ, sau đời Vĩnh Thịnh nhà Lê, mới xây thành quy mô lớn. Theo bài *'Chu Văn Trinh công miếu bi ký'* của Nguyễn Công Thái, thì ngôi đền ở đây thờ riêng ông, tục truyền là nơi ông dạy học lúc trước. Các triều gia phong trật, tới nay thờ ngài làm phúc thần, phía trước đền có bia ghi sự tích ngài, nhưng trải qua dâu bể thời gian, chữ trên bia đã mòn hết.

Năm Giáp Ngọ (1774), đền được trùng tu, do Bùi Huy Bích, người đương giữ chức Tham tụng và là người cùng huyện với Chu Văn An đứng ra trông coi. Đến đời Tự Đức, năm canh thân (1860), đền thờ Chu Văn An được tu sửa lần thứ ba. Cả hai lần tu sửa thứ hai và ba, đều làm nhà bái đường năm gian, hai bên có chái, mỗi chái ba gian đều dùng gỗ tốt, xung quanh xây tường, ngoài còn có tường đất.

Trước kia, việc thờ phụng Chu Văn An ở đền Huỳnh Cung, hàng năm, ngày kỵ, triều đình cử người về tế. Đến triều Nguyễn, có thay đổi, việc tế do trấn Bắc thành sở nhậm. Về sau, do tỉnh Hà Nội, rồi đến huyện Thanh Trì chủ trì việc tế lễ.

Ngoài đền thờ Chu Văn An ở Thanh Liệt, Huỳnh Cung, còn có đền thờ ông ở Văn Điển, huyện Thanh trì (nay Văn Điển là ngoại thành Hà Nội).

Đền nào thờ Chu Văn An cũng đều có bia ghi chép, lược tiểu sử và công đức dạy học của Chu Văn An. Có thể dẫn chứng, Nguyễn Công Thái, tiến sĩ, Giám sát Ngự sử đạo Nghệ An, năm 1717, tự bút ghi văn bia ở trường Huỳnh Cung như sau :

“Phàm là sĩ phu, quân tử, chuộng đạo học, lập chí, lúc ra làm quan, lúc bỏ việc, đều theo chính nghĩa, không theo thói đời. Xét các nhà nho xưa, duy ngài là đúng với điều đó. Ra nhận chức học quan Quốc Tử giám, ngài không màng danh lợi, phẩm hạnh rất cao, đọc rộng sử sách. Hơn nữa, giữ đạo đức rất tôn nghiêm, dạy học trò nhiều thành đạt, đạo học mà truyền đạt được lâu đời, cũng là nhờ công ngài...”

Than ôi ! Thánh hiền đời trước đã đi xa, trừ ngài, còn ai đáng được coi như Thái sơn ? Thói liêm sỉ ở đời đã kém, trừ ngài, còn ai được sĩ phu coi là cột trụ ?...

“Thanh phong của ngài, đã cùng với nước Thanh Đàm trong vắt, linh từ của ngài, lúc nào cũng cao vút, dẫu cho đến trăm đời, dẫu thom của ngài cũng không mất... Đạo đức, sự nghiệp của ngài, thanh danh và khí tiết ngài càng thêm rõ rệt, khiến cho mọi người trông thấy biết kính, biết chuộng, noi gương ngài. Như thế, một là để khích lệ cho đời biết rèn tiết tháo, hai là để tẩy trừ cái hào nhoáng bề ngoài.”

Nguyễn Văn Siêu, đậu phó bảng năm 1838, làm án sát, sau thôi làm quan về dạy học, là một trong những danh sĩ có tiếng tại Hà Nội, cũng ghi bia Chu Văn An ở Thanh Trì :

“Ông Văn Trinh là bậc Nhọ tôn của nước Việt ta, được trăm đời chiêm ngưỡng. Hà dẫu, chỉ một hương, một áp thờ phụng mà thôi ! Ông được tòng tự ở Văn miếu Quốc Tử giám, vốn từ thời Trần v.v...”

Còn ở Chí Linh, nơi Chu Văn An về ở ẩn sau “Thất trăm số”, và dạy học, cùng ngao du sơn thủy, và cũng là nơi thầy giáo họ Chu trút hơi thở cuối cùng, thọ 78 tuổi cũng có đền thờ Chu Văn An. Và núi Phượng Hoàng (Hải Dương), ở trong xã Kiệt Đặc, vùng Chí Linh, cách không xa sông Thanh Lương, một dải núi vọt lên bảy mươi hai ngọn quanh co, xanh biếc, u nhã. Bên trái, là núi Kỳ Lân, bên phải là núi Phượng Hoàng. Nguồn suối ngọt tuôn ra thành khe nước, chảy ào

ào theo vách núi cao, đọng lại trên lưng chừng những núi, gọi là ao Miết (ao Ba Ba), sau lại chảy ngoằn ngoèo vòng quanh chân núi, tạo nên phong cảnh hữu tình, hùng vĩ.

Năm Thiệu Trị thứ nhất (1841), Nguyên Bảo, vốn người Thanh Hóa, đỗ cử nhân, được bổ Án sát Hải Dương, đã được giao nhiệm vụ tu sửa đền thờ Chu Văn An. Sưu tầm tài liệu, Nguyễn Bảo còn viết *Phượng sơn từ chí lược*, với cái tâm tốt đẹp của hậu sinh đối với Chu Văn An được bộc lộ như sau :

“Trộm nghĩ : hành trang của Chu tiên sinh, những đời trước ghi sơ lược, e rằng đời sau không biết được hết cái ý tốt về phong thái mẫu mực của Chu tiên sinh. Tôi bèn sưu tập những chuyện sót lại, cung kính thuật lại hành động và chép lại thơ ông, lại thêm lời bàn luận và hành trang ấy, để làm Phượng sơn từ chí lược quyển thứ nhất. Tiếp theo, lược lật các bài luận thuyết, chi ký, thi tân, trước đây của các nhà nho, làm Phượng sơn từ chí lược, quyển thứ hai.

Sau khi sách làm xong, tôi bèn cất trong ngôi đền. Tôi nghĩ rằng cái đức ngâm của Chu tiên sinh được tỏa sáng”.

Sách *Phượng sơn từ chí lược* của Nguyên Bảo được cất dấu trong “vách nhà”, là ngầm ý gợi đến chuyện Tần Thủy Hoàng đốt sách và giếng nhà

Nho, nhưng cũng để nói sự cảnh giác của tác giả với cuốn sách quý, cần được gìn giữ, dù biến cố chính trị gì xảy ra, vì đó là sách quý để đời sau ít nhiều hiểu về Chu Văn An. Bài Bạt *Phượng sơn từ chí lược* được Nguyễn Thượng Hiền viết chân tình, rằng:

“Khó khăn của việc lưu truyền, từ đó thấy được đạo trời, cũng từ đó thấy được lòng người. Quan Hiệp quý họ Vương là bậc hiếu đạo, làm Đốc học ở Thanh Hóa, đã bỏ tiền ra thuê khắc gỗ in...”

Nơi ẩn cư của Chu Văn An, rậm rạp, hoang vu ở núi Phượng Hoàng, đền thờ, theo phong sương cũng đổ nát, nhưng cột đá vẫn còn, dù chữ phai mờ, song đọc được. Tám chữ : *“Chu Văn Trinh tiên sinh ẩn cư xứ”* (nơi ẩn cư của ông Chu Văn Trinh- tức Chu Văn An)

Cuối bài bạt, Nguyễn Thượng Hiền còn ghi :

“Ôi ! Đạo pháp văn học của ông Chu Văn Trinh, lịch sử đã ghi chép tỉ mỉ. Sự nghiệp của ông Chu làm cho đời sau càng tỏ rõ kiến thức uyên thâm Đạo Nho và khí tiết sáng ngời của ông”. Nhận định của Nguyễn Thượng Hiền cũng thật trùng hợp với ý của Giám sát Ngự sử Nguyễn Công Thái, năm 1717, đã nêu ở bia Chu Văn An: “Thêm mấy hàng chữ khắc vào bia này, thì đạo đức và sự nghiệp, thanh danh và khí tiết của ngài càng thêm

rõ rệt, khiến cho mọi người trông thấy biết chuộng, noi gương ngài”.

Chu Văn An dốc cả cuộc đời dạy học, dạy không biết mỏi, học không biết mệt. Vì vậy nhiều nơi có đền thờ, bia đá ghi lại những lời các danh sĩ đương thời hoặc đời sau, đánh giá sự nghiệp và phẩm chất của ông. Vào đền thờ Chu Văn An, chúng ta thấm thía lòng ngưỡng mộ và tình sâu đậm của danh sĩ các đời và nhân dân đối với ông.

Nhưng đánh giá to lớn nhất xác đáng nhất đối với Chu Văn An là ngay cả triều đình thời Trần suy cũng phải công nhận và cho thờ ông ở Văn Miếu, nơi trước đây chỉ thờ Chu Công, Khổng Tử và 72 vị học trò. Trải qua bao đời đến nay, dù tên của nhiều người sau ông đã bị đục bỏ do hậu sinh đánh giá lại nhưng tên ông vẫn còn đó muôn đời.

Ý kiến thống nhất đều cho rằng, ông là bậc Thánh Nho. Cứ việc Văn Miếu, nơi trước đây chỉ thờ ông tổ Nho là Khổng Tử, sau khi ông qua đời, Trần Nghệ Tông, ngoài việc cho quan đến phúng viếng, lại cho thờ ông ở Văn Miếu và ban tên thụy là Văn Trinh, bởi lẽ Trần Nghệ Tông đã nhận xét xác đáng, bên cạnh sự nghiệp văn đức trong dạy học, ông để lại tấm gương sáng vì đức kiên trinh, lòng ưu ái trong trèo tinh khiết trong suốt cuộc đời. Nói cách khác và nhắc lại lời danh xưa, Chu Văn

An quả là sao Bắc Đẩu, quả là sao Khuê, mãi mãi tồn tại, mãi mãi sáng ngời.

Và, như Nguyễn Du nói, từ xưa đến nay, chưa có triều đại nào tồn tại ngàn năm cả. Cái còn lại, tên núi, tên sông, qua các cuộc kháng chiến mà thôi. Với Chu Văn An, *cái tồn tại là danh thơm “trông người” và nhân cách cứng rắn, ngay thẳng* (Văn Trinh ngạnh trực). Ông là vị chân nho, được tòng tự ở Văn Miếu là rất xứng đáng và rất đúng, như Hoàng giáp, kiêm Hàn lâm học sĩ Đỗ Duy Đề đã viết trong Nam sử sách lược.

Ở chế độ chúng ta, ngay khi giành chính quyền cách mạng năm 1945, đã có trường phổ thông trung học Chu Văn An. Ngôi trường này trước đây do Pháp xây dựng, gọi là “Trường Trung học bảo hộ” ở phố Thụy Khuê, nhưng dân ta đều gọi bằng cái tên nôm na là trường Bưởi vì khu vực Hồ Tây, nơi trường tọa lạc, có làng Bưởi làm giấy.

Như vậy, hơn bảy trăm năm trước ở Quốc Tử giám, Huỳnh Cung, Chí Linh Chu Văn An đã dạy hai đời vua, Hiến Tông và Dụ Tông, cùng đào tạo hàng mấy nghìn trí thức cho triều đại phong kiến, trong đó có người sau là tể tướng, đại thần, nhà văn, nhà viết sử, nhà thơ tên tuổi. Thì với trường Bưởi sau này là trường Chu Văn An, đã có bao lớp học sinh đàn anh thành đạt, như Ngô Gia Tự, Nguyễn Văn Cừ, Phạm Văn Đồng..., sau này là

Tổng bí thư Đảng Cộng sản, là Thủ Tướng nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Nhiều học sinh trường Bưởi lớp trước, còn là nhà khoa học, nhà văn có tiếng như Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Khắc Viện. . . Những học sinh PTTH Chu Văn An sau này vẫn tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc, phát huy phẩm chất đạo đức của nhà giáo Chu Văn An, tên của trường và luôn có những đóng góp đáng kể vào kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và đổi mới hiện nay. Không chỉ có trường Bưởi - Chu Văn An, cả nước ta, nhiều trường mang tên Chu Văn An, ất hẳn, kỳ vọng lớp trẻ được đào tạo và trưởng thành trong thế kỷ 21, lại càng xứng đáng với lịch sử hào hùng Việt Nam, với Chu Văn An, nhà giáo trọn đời theo đuổi “trồng người”, cuộc sống riêng tư, lúc nào cũng trong sạch, túc nho...

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1- Thiếu thời - quá khứ còn mờ ảo	9
2- Trường Huỳnh Cung - cái nôi dạy chữ và dạy đạo làm người	18
3- Những tấm lòng của người dạy học có tâm huyết	28
4- Tiếp xúc triều đình và những nhức nhối ban đầu trong lòng Chu Văn An	38
5- Gặp Minh Tông và được cử dạy Thái tử	47
6- Cái tâm kẻ sĩ dạy học và môi trường quá phức tạp	57
7- Nỗi khổ còn gánh chịu của Chu Văn An ở triều đình	66
8- “Thất trăm số” và những lời bàn bạc thế kỷ sau	76
9- Lại bước ngoặt đời Chu Văn An - vẫn tiếp tục dạy học ở núi xanh Chí Linh	86
10- Chu Văn An- tình thơ - tình người	96
11- Chu Văn An - Mãi mãi, ở ông, tồn tại sao Bắc Đẩu và mãi mãi ngời sáng sao Khuê	106

NHÀ GIÁO ĐÌNH MẠNH THOẠI VÀ TÁC PHẨM

In riêng :

1- TRỞ VỀ Bôrit Pôlêvôc - Khu Học xá TW - 1955 (truyện dịch)

2- MỠI NGON CHO BẦY SÓI - Emin Dôla - Nhà xuất bản Hải Phòng in 20.000 cuốn (phát hành phía Bắc) - Truyện dịch - 1989

3- TRÁI TÁO MÙA XUÂN (thơ) - Nhà xuất bản Thành phố - 1991

4- RAMÔNG, ÔNG GIÀ CHẶN CỪU - Jack Sachaeffer (truyện dịch) - Nhà xuất bản Trẻ 1992 - Tái bản 1994, 1995

5- TRUYỆN, KÝ 1946 - 1992 - Nhà xuất bản Trẻ 1992

6- KỂ CHUYỆN LÊ QUÝ ĐÔN - Nhà xuất bản Trẻ in lần đầu và tái bản 5 lần (từ tháng 4/992 đến 1/1115) - 17.000 cuốn. Nhà xuất bản Kim Đồng tái bản 1 lần 31.500 cuốn (Sách tài trợ)

7- CON KHỔNG LỒ (truyện dịch) - Nhà xuất bản Trẻ 1991

8- NỖI ĐAU ĐÃ CÓ LỜI ĐÁP (Bút ký) - Nhà xuất bản Trẻ 1995

9- ÂM VANG CUỘC ĐỜI (Bút ký) - Nhà xuất bản Trẻ 1997

10- ĐƯỜNG PHỐ THÂM THÌ (Bút ký) - Nhà xuất bản Trẻ 1998

In chung :

- 1- CON ĐƯỜNG MỚI (Tập truyện) 1969
- 2- CHIM ÉN CỦA SÓNG (Tập truyện) 1970
- 3- TRẬN ĐỊA MÀU XANH (Tập truyện) 1973
- 4- TUỐC DỮNG CẢM VÀ HƯƠNG THẦN (Truyện cổ các nước) 1983

Kịch được diễn và phát sóng :

- 1- SÓNG (kịch dài) - Giải B Hội diễn sân khấu nghiệp dư Hải Phòng 1982 - Diễn Nhà Hát Lớn Hà Nội, dịp liên hoan sân khấu quần chúng khu vực I 1983
- 2- CHUNG SÂN (kịch vừa) Đài Truyền Hình Thành Phố Hồ Chí Minh 1992

Sẽ xuất bản :

- 1- LY HÔN GIỜ HẤP HỐI (truyện dài)
- 2- THỦ TRƯỞNG CỦA TÔI, THỦ TRƯỞNG CỦA ÔNG ẤY (tập truyện ngắn)
- 3- TIẾNG NÓI NGƯỜI ĐÃ CHẾT (kịch dài)

KỂ CHUYỆN NHÀ GIÁO KIỆT XUẤT CHU VĂN AN

ĐINH MẠNH THOẠI

<i>Chịu trách nhiệm xuất bản:</i>	LÊ HOÀNG
<i>Biên tập :</i>	CÚC HƯƠNG
<i>Vẽ bìa:</i>	DUY NGỌC
<i>Sửa bản in :</i>	CÚC HƯƠNG

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B LÝ CHÍNH THẮNG - QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

In 2000 cuốn, khổ 13 × 19 tại Công ty in Chuyên Ngành Lao Động Xã Hội. Xưởng in 146 - 146 BIS Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM. Số đăng ký: 206/CXB ngày 19-03-1999 của cục xuất bản. Giấy trích ngang số 436/KHXB/1999 ngày 23-06-1999 của NXB Trẻ. In xong và nộp lưu chiểu tháng 07 năm 1999